TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Xuân Thọ
Ông Nguyễn Đức Cường
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST- HNGĐ ngày 20/12/2018, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984
Cư trú tại: Khu N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984
Cư trú tại: Thôn a, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
Chị H và anh T đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2013 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không quan tâm đến gia đình. Từ tháng 11/2015 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Trong biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Nguyễn Văn T xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai người bất đồng quan điểm

sống, không hợp nhau. Đến nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh nhất trí.

- Về con chung: Chị H và anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Thị Bảo Y, sinh ngày 27/11/2015, hiện đang ở với chị H. Sau khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T đề nghị được nuôi cháu Ly, giao cho chị H nuôi cháu Hân. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H và anh T đều xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa ra ý kiến đề nghị giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Thị Bảo Y, sinh ngày 27/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H và anh T xác định không có nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ tháng 11/2015 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không có trách nhiệm với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã căng thẳng trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2].Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Thị Bảo Y, sinh ngày 27/11/2015, hiện đang ở với chị H.

Xét thấy tuy chị H và anh T đều có đủ điều kiện nuôi con như nhau, nhưng cháu L và cháu Y đều ở với chị H từ khi sinh đến nay. Bản thân anh T cũng thừa nhận từ năm 2015 đến nay anh không đi lại thăm nom quan tâm chăm sóc các con gì nữa, cháu L hiện mắc hội chứng khó khăn trong giao tiếp và giảm chú ý đang phải đi điều trị. Để không xáo trộn cuộc sống của các cháu, nên sau khi ly hôn sẽ giao cả hai cháu cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3].Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Thị Bảo Y, sinh ngày 27/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0002998 ngày 20/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị H và anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã M;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Vũ Thường